

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HS-ST

Ngày: 10 – 5 – 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Thống
- Ông Hoàng Viết Thống

– Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên **Y P Buôn Y** (tên gọi khác **Y P B**)

Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1993; Tại: Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT: **Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;** Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Ê Đê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Y M A** và con bà **H P Buôn Y1**. Bị cáo sống chung như vợ chồng với bà H P B không và có 02 con, con lớn sinh năm 2022 và con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 17/9/2014, bị TAND Tp. Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 243/2014/HSST. Ngày 18/11/2014, TAND tỉnh Đắk Lắk xử kháng cáo phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm theo Bản án số 452/2014/HSPT.

Ngày 12/02/2015, bị TAND Tp. Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 63/2015/HSST. Tổng hợp hình phạt 04

năm tù tại Bản án số 452/2014/HSPT. Ngày 09/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 12/4/2019, bị TAND thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 84/2019/HSST. Ngày 28/3/2020, chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/10/2023 chuyển sang tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên Y Đ H Đok

Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1995; Tại: Đăk Lăk; Nơi ĐKHKTT: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Ê Đê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y R Ê và con bà H Ê HĐok. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 17/9/2014, bị TAND Tp. Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Bản án số 243/2014/HSST. Ngày 18/11/2014, TAND tỉnh Đăk Lăk xử kháng cáo phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm theo Bản án số 452/2014/HSPT. Ngày 02/9/2015 được đặc xá, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/10/2023 chuyển sang tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên Y Kương K

Sinh ngày 26 tháng 11 năm 1993; Tại: Đăk Lăk; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Ê Đê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y T B1 và con bà H N K1. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/10/2023 chuyển sang tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên Y Br ÊBan

Sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005; Tại: Đăk Lăk; Nơi ĐKHKTT: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Ê Đê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y' B HĐok và con bà H' Ê ÊBan. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/10/2023 chuyển sang tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên Y K2 BYă

Sinh ngày 19 tháng 9 năm 2003; Tại: Đăk Lăk; Nơi ĐKKHKT: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Ê Đê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y S Wen K3 và con bà H N BYã. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/10/2023 chuyển tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B – Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Y Y3 B K rông sinh ngày 12/3/2006

Địa chỉ: Buôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt)

2. Ông Ngô Xuân Đ sinh năm 1990

Địa chỉ: A Y, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt)

3. Bà H1 BYã sinh năm 1984

Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (có mặt)

4. Ông Y K Lêc A Đ1

Địa chỉ: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt)

Người phiên dịch: Ông Y Kan Niê – Cán bộ Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Y P B, Y K K^{tu}l, Y Đ H, Y Br Ê1, Y K2 B2 và Y Y B3, sinh ngày 12/3/2006 có mối quan hệ quen biết, cùng sinh sống tại xã E, thành phố B đều là đối tượng sử dụng trái phép ma túy đá (Methamphetamine). Tối ngày 22/10/2023, Y P rủ Y K4, Y Đ, Y Br, Y K2 và Y Y3 đến nhà tại buôn T, xã E, thành phố B ăn cơm, nhậu nhẹt. Một lúc sau, Y P khởi xướng việc mua ma túy đá về sử dụng thì tất cả đồng ý. Y P, Y K4 và Y Đ thỏa thuận mỗi người góp 100.000 đồng để mua gói ma túy 300.000 đồng còn Y Br, Y K2 và Y Y3 không có tiền nên không góp. Do không ai có tiền nên Y Đ đồng ý cầm chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của mình với số tiền 500.000 đồng, trong đó 300.000 đồng cho Y P, Y K4 mượn để góp vào việc mua ma túy còn 200.000 đồng mua đồ ăn và rượu. Quá trình sử dụng ma túy Y P biết nam thanh niên tên T (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0935.950.007 là người bán ma túy đá nên Y P lấy điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh của Y K4 gọi cho T nhưng điện thoại hết pin nên Y P tháo sim số 0869.126.774 từ điện thoại Y K lắp vào điện thoại Y Đ liên lạc với T để mua ma túy thì người này đồng ý. Sau đó, Y P tháo lại sim điện thoại của Y K4 đưa điện thoại của Y Đ cho Y K2 đi cầm. Y K2 một mình điều khiển xe mô tô BKS 47B2 – 085.29 đến dịch vụ cầm đồ Anh Đ tại đường Y, phường E, thành phố B cầm điện thoại và mang số tiền 500.000 đồng cho Y P. Khoảng 01 giờ 30 rạng sáng ngày 23/10/2023 người nam giới tên

T gọi đến số 0869.126.774 trên điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh của Y K4 thì Y P nghe máy và được người này hẹn giao ma túy tại khu vực ngã tư buôn T, xã E, thành phố B rồi Y P đưa số tiền 300.000 đồng cho Y Br đi gặp T lấy ma túy. Sau đó, Y B4 một mình điều khiển xe mô tô BKS 47B2 – 085.29 đến gặp T mang về 01 gói nylon bên trong là ma túy đá cho Y P để Y P đổ ma túy vào bộ D sử dụng đã có sẵn trong nhà. Y P, Y K4, Y Đ, Y Br và Y Y3 cùng nhau sử dụng ma túy còn Y K2 có việc cá nhân nên đi về nhưng một lúc sau quay lại. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/10/2023 thì bị Công an xã E phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hờ bám dính chất màu nâu đen, 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu xanh đã được niêm phong theo quy định pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 1303/KL–KTHS ngày 30/10/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chất màu nâu đen bám dính bên trong đầu hình cầu của ống thủy tinh uốn cong được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, lượng chất màu nâu đen bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Tại bản cáo trạng số: 94/CT–VKS ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Y P Buôn Y, Y K Ktul, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K B2 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa và quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Y P Buôn Y, Y K Ktul, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 Byã phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Y Pi B5 Yã mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Y Đ Hđok mức án từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Y K Ktul mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Y Br Êban mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Y K2 Byã mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu xanh và 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hở và toàn bộ bao gói gửi giám định ban đầu (M đã sử dụng hết để giám định) được niêm phong trong 01 hộp giấy ghi “Bao gói còn lại sau giám định vụ Y P B – BMT” trong gói số 1303/KL–KTHS của Phòng K5 Công an tỉnh Đ là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei 1: 863256045453416, số Imei 2: 863256045453408 kèm sim 0869.162.774 của Y K K^{tul} và 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, số Imei 1: 869239039868397, số Imei 2: 869239039868389 kèm sim 0868.021.577 của Y ĐaNin Hđok là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đỏ số Imei 1:867027045524696, số Imei 2: 867027045524688 kèm sim 0587.516.502 của Y BraHim Êban; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei1: 866892053275379, số Imei 2: 866892053275361, kèm sim 0924.781.183 của Y K2 B2. Quá trình điều tra đã xác định các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 47B2 – 085.29 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bà H N B6, sinh năm 1984 (mẹ bị cáo Y K2 B2). Bị cáo Y K2 B2 cùng đồng bọn sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội thì bà H Niên B6 hoàn toàn không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý, trả lại xe cho bà H N B6 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, số Imei 1: 352808090752791/01, số Imei 2: 352809090752799/01, không sim cho Y Y B3 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm.

Các bị cáo Y P Buôn Y, Y K K^{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Y P Buôn Yă, Y K K^{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào sáng ngày 23/10/2023, tại nhà địa chỉ buôn T, xã E, thành phố B. Các bị cáo Y P Buôn Yă, Y K K^{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 có hành vi tự tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho Y Y B3, sinh ngày 12/3/2006 sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã E, thành phố B phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Y P Buôn Yă, Y K K^{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

1. “*Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*”

2. *Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

.....

b) *Đối với 02 người trở lên trở lên;*

c) *Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi.*

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là công dân có đủ khả năng để nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo phải biết được rằng ma túy là chất gây nghiện thuộc sự quản lý độc quyền của nhà nước, các bị cáo có hành vi xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về sử dụng chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Song do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt đủ nghiêm đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Y P B, Y K K^{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số nên trình độ hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo trong quá trình lượng hình.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng tham gia tổ chức cho nhau để sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho **Y Y3** sử dụng trái phép chất ma túy dưới hình thức cùng góp tiền và góp sức. Trong đó bị cáo **Y P** là người khởi xướng rủ rê mọi người cùng đóng góp tiền để mua ma túy và là người trực tiếp liên lạc với đối tượng tên **T** để mua ma túy, về nhà lấy dụng cụ cho mọi người sử dụng ma túy, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu nên bị cáo **Y P** phải có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo **Y Đ2** là người giúp sức tích cực, lấy điện thoại đi cầm cho **Y K4** và **Y P** mượn tiền, đồng thời bị cáo cũng là người có nhân thân xấu nên mức hình phạt của bị cáo **Y Đ2** cao hơn các bị cáo còn lại và thấp hơn bị cáo **Y P** là phù hợp. Các bị cáo còn lại **Y K K_{tu}**, **Y Br Ê1**, **Y K2** Bằng người góp tiền, người góp sức, cùng nhau thống nhất đồng ý để mua ma túy và mang ma túy về sử dụng, các bị cáo này có vai trò như nhau nên mức hình phạt ngang nhau và thấp hơn bị cáo **Y P**, **Y Đ** là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật và nhằm răn đe phòng ngừa chung trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Đối với nguồn ma túy, bị cáo **Y P** khai mua của một người tên **T** (không rõ lai lịch) có số điện thoại 0935.950.007. Cơ quan điều tra có Công văn gửi đến **Công ty D1** khu vực 7 – **Tổng Công ty V** nhưng được trả lời thuê bao trên không thuộc mạng Mobifone. Cơ quan điều tra chưa xác minh lại lịch của đối tượng trên nên tách hành vi của đối tượng ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với **Y Y B3**, quá trình điều tra đã xác định **Y Y3** không có góp tiền, góp sức cùng các bị cáo khác trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do đó **Y Y** không đồng phạm, không liên quan đến hành vi phạm tội cùng các bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự nhưng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo là phù hợp.

Đối với địa điểm các bị cáo sử dụng làm nơi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra đã xác định nhà, đất trên thuộc quyền sở hữu của ông **Y K A1** (ông ngoại vợ bị cáo **Y P**) cho bị cáo với vợ là **H P B** không ở nhờ. Việc các bị cáo sử dụng địa điểm trên làm nơi thực hiện hành vi phạm tội thì ông **Y K A1**, chị **H P B7** hoàn toàn không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu xanh và 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hờ và toàn bộ bao gói gửi giám định ban đầu (M đã sử dụng hết để giám định) được niêm phong trong 01 hộp giấy ghi “Bao gói còn lại sau giám định vụ Y P B – BMT” trong gói số 1303/KL–KTHS của Phòng K5 Công an tỉnh Đ là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei 1: 863256045453416, số Imei 2: 863256045453408 kèm sim 0869.162.774 của Y K K_{tul} và 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, số Imei 1: 869239039868397, số Imei 2: 869239039868389 kèm sim 0868.021.577 của Y Đ Hđok là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đỏ số Imei 1:867027045524696, số Imei 2: 867027045524688 kèm sim 0587.516.502 của Y Br Êban; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei1: 866892053275379, số Imei 2: 866892053275361, kèm sim 0924.781.183 của Y K2 B2. Quá trình điều tra đã xác định các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 47B2 – 085.29 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bà H N B6, sinh năm 1984 (mẹ bị cáo Y K2 B2). Bị cáo Y K2 B2 cùng đồng bọn sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội thì bà H N B6 hoàn toàn không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý, trả lại xe cho bà H N B6 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, số Imei 1: 352808090752791/01, số Imei 2: 352809090752799/01, không sim cho Y Y B3 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm.

[7] Về án phí: Các bị cáo Y P Buôn Y, Y K K_{tul}, Y Đ Hđok, Y Br Ê1, Y K2 B2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Y P Buôn Y, Y Đ Hđok, Y K K_{tul}, Y Br Ê1, Y K2 B_{ya} phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y P Buôn Yă **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 23/10/2023).

1.2 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Đ Hđok **09 (chín) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 23/10/2023).

1.3 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y K K^{tul} **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 23/10/2023).

1.4 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Br Êban **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 23/10/2023).

1.5 Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y K² Byă **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 23/10/2023).

* Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy với 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, 01 ống hút nhựa màu xanh và 01 ống thủy tinh uốn cong, một đầu hình cầu hở và toàn bộ bao gói gửi giám định ban đầu (M đã sử dụng hết để giám định) được niêm phong trong 01 hộp giấy ghi “Bao gói còn lại sau giám định vụ Y P B – BMT” trong gói số 1303/KL–KTHS của Phòng K⁵ Công an tỉnh Đ là tang vật của vụ án.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei 1: 863256045453416, số Imei 2: 863256045453408 kèm sim **0869.162.774** của Y K K^{tul} và 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, số Imei 1: 869239039868397, số Imei 2: 869239039868389 kèm sim **0868.021.577** của Y Đ Hđok là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại: cho Y B⁴ Ê Ban 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đỏ số Imei 1:867027045524696, số Imei 2: 867027045524688 kèm sim **0587.516.502**; Trả lại cho Y K² BYă 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số Imei1: 866892053275379, số Imei 2: 866892053275361, kèm sim **0924.781.183** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B trao trả cho bà Y N² BYă 01 chiếc xe mô tô BKS 47B2 – 085.29.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, số Imei 1: 352808090752791/01, số Imei 2: 352809090752799/01, không sim cho Y Y B³ là tài sản không liên quan đến hành vi phạm.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đặc điểm cụ thể theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lưu tại hồ sơ vụ án).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Y P Buôn Y**, **Y K K_{tu}**, Y Đ Hđok, **Y Br Ê1**, **Y K2 B2**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc